BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

KHU RỪNG TẬP TRUNG

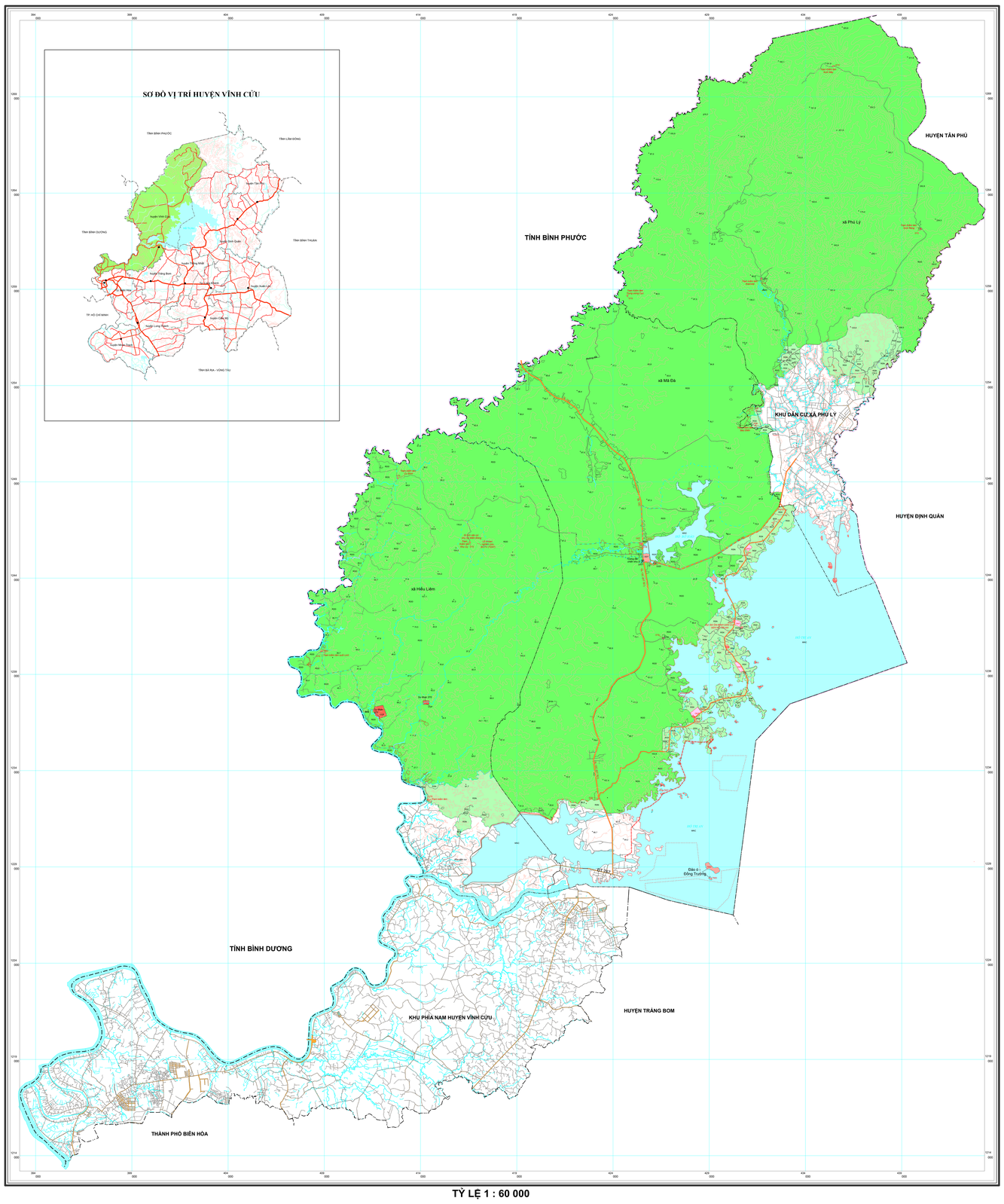

TỶ LỆ 1 : 60 000

KHU DÂN CƯ XÃ PHÚ LÝ

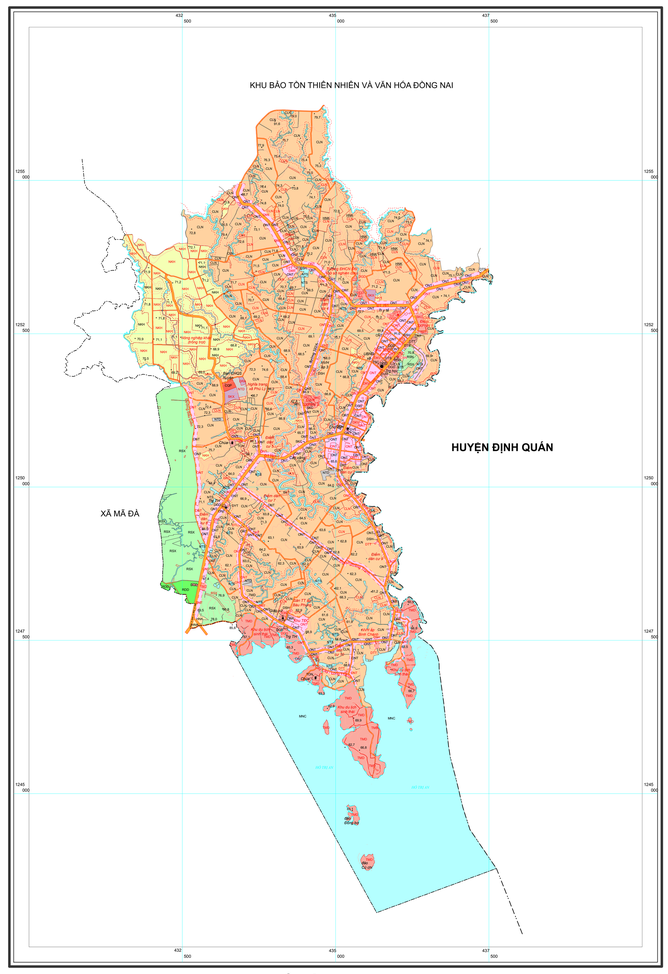

TỶ LỆ 1 : 25 000

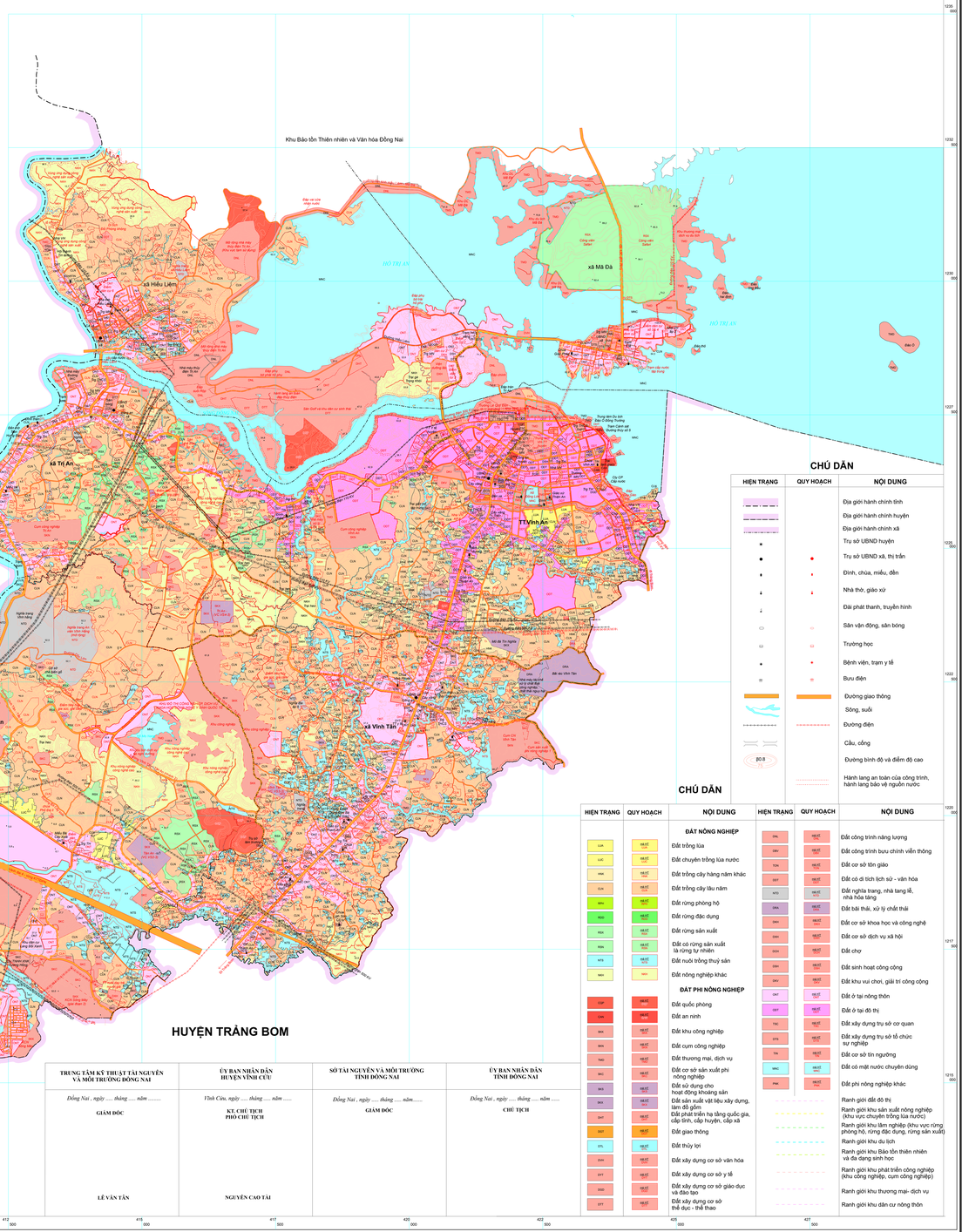

TỶ LỆ 1 : 25 000

CHÚ DẪN

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		Địa giới hành chính tỉnh
		Địa giới hành chính huyện
		Địa giới hành chính xã
		Trụ sở UBND huyện
		Trụ sở UBND xã, thị trấn
		Đình, chùa, miếu, đền
		Nhà thờ, giáo xứ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động, sân bóng
		Trường học
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Đường giao thông
		Sông, suối
		Đường điện
		Cầu, cống
20.8		Đường bình độ và điểm độ cao
		Hành lang an toàn của công trình, hành lang bảo vệ nguồn nước

CHÚ DẪN

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP
LUA	HLUC	Đất trồng lúa
LUC	HLUC	Đất chuyên trồng lúa nước
HNK	HLUC	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	HLUC	Đất trồng cây lâu năm
RPH	HLUC	Đất rừng phòng hộ
RDD	HLUC	Đất rừng đặc dụng
RSX	HLUC	Đất rừng sản xuất
RSN	HLUC	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS	HLUC	Đất nuôi trồng thuỷ sản
NKH	NKH	Đất nông nghiệp khác
		ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
CQP	DMDC	Đất quốc phòng
CAN	DMDC	Đất an ninh
SKK	HSKC	Đất khu công nghiệp
SKN	HSKC	Đất cụm công nghiệp
TMD	HSKC	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	HSKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKS	HSKC	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
SKX	HSKC	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DHT	HSKC	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
DGT	HSKC	Đất giao thông
DTL	HSKC	Đất thủy lợi
DVH	HSKC	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	HSKC	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	HSKC	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	HSKC	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	NỘI DUNG
DNL	HSKC	Đất công trình năng lượng
DBV	HSKC	Đất công trình bưu chính viễn thông
TON	HSKC	Đất cơ sở tôn giáo
DDT	HSKC	Đất có di tích lịch sử - văn hóa
NTD	HSKC	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DRA	HSKC	Đất bãi thải, xử lý chất thải
DKH	HSKC	Đất cơ sở khoa học và công nghệ
DXH	HSKC	Đất cơ sở dịch vụ xã hội
DCH	HSKC	Đất chợ
DSH	HSKC	Đất sinh hoạt cộng cộng
DKV	HSKC	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	HSKC	Đất ở tại nông thôn
ODT	HSKC	Đất ở tại đô thị
TSC	HSKC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	HSKC	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp
TIN	HSKC	Đất cơ sở tín ngưỡng
MNC	HSKC	Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK	HSKC	Đất phi nông nghiệp khác
		Ranh giới đất đô thị
		Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyển trồng lúa nước)
		Ranh giới khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)
		Ranh giới khu du lịch
		Ranh giới khu Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
		Ranh giới khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
		Ranh giới khu thương mại- dịch vụ
		Ranh giới khu dân cư nông thôn

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên: 108.914,44 ha)

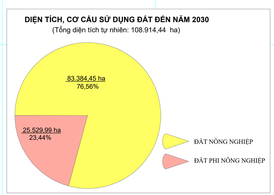

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Đồng Nai , ngày ..... tháng ..... năm	*Vĩnh Cửu, ngày ..... tháng ..... năm .....*	*Đồng Nai , ngày ..... tháng ..... năm.....*	*Đồng Nai , ngày ..... tháng ..... năm .....*
GIÁM ĐỐC	KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH
LÊ VĂN TÂN	NGUYỄN CAO TÀI		

Bản đồ được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, hệ tọa độ VN-2000,
kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°

NGUỒN TÀI LIỆU:

- Bản đồ địa giới hành chính theo dự án 513;
- Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000 hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp;
- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất huyện Vĩnh Cửu tỷ lệ 1:25.000 được thành lập năm 2019;
- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Vĩnh Cửu tỷ lệ 1:25.000 thành lập năm 2017;
- Bản đồ quy hoạch chung xây dựng các xã, thị trấn Vĩnh An.

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai